

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2016

Số: 186 /TM-GDDT-PC
V/v mời họp triển khai thể lệ
Hội thi "Thanh thiếu niên
với pháp luật năm 2016"

TRƯỞNG CĐKT LÝ TỰ TRỌNG
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN Số: 650
Ngày: 22/7/16

Chuyên:

Lưu hồ sơ số:

Kính gửi:

Hiệu trưởng trường Cao đẳng, TCCN, THPT;
- Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên.

Thực hiện Kế hoạch số 2206/KH-GDDT-PC ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức hội thi "Thanh thiếu niên Thành phố với pháp luật" năm 2016; Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức họp triển khai thể lệ hội thi cụ thể như sau:

1. Nội dung

- Triển khai thể lệ hội thi, cách thức thi vòng loại bằng hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính với các câu hỏi tuyên truyền pháp luật.
- Triển khai nội dung trò chơi hướng nghiệp, tìm hiểu pháp luật, rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm cho học sinh, sinh viên.
- Thông tin về danh sách học sinh, sinh viên tham gia; một số nội dung cần thiết liên quan đến hội thi.

2. Đối tượng

Cán bộ phụ trách pháp chế của các trường Cao đẳng, TCCN, THPT, Trung tâm GDTX.

3. Thời gian và địa điểm

Thời gian: 14g00 ngày 26 tháng 7 năm 2016 (Thứ ba)

Địa điểm: Hội trường 2.1- Sở Giáo dục và Đào tạo (66-68 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh).

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Ông (Bà) thủ trưởng các đơn vị cử cán bộ, giáo viên tham dự đầy đủ, đúng thành phần quy định./.

Đính kèm:

Đề cương câu hỏi ôn thi vòng loại và danh sách các đơn vị đăng ký tham gia hội thi "Thanh thiếu niên với pháp luật" năm 2016.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, PC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đã ký

Bùi Thị Diễm Thu

**ĐỀ CƯƠNG CÂU HỎI VÒNG LOẠI
HỘI THI “THANH THIẾU NIÊN VỚI PHÁP LUẬT” NĂM 2016**

1. Năng lượng tái tạo là:

- A. Vật liệu được thu hồi, phân loại, lựa chọn từ những vật liệu, sản phẩm đã bị loại bỏ từ quá trình sản xuất hoặc tiêu dùng để sử dụng làm nguyên liệu cho một quá trình sản xuất khác.
- B. Yếu tố vật chất tạo thành môi trường gồm đất, nước, không khí, âm thanh, ánh sáng, sinh vật và các hình thái vật chất khác.
- C. Năng lượng được khai thác từ nước, gió, ánh sáng mặt trời, địa nhiệt, sóng biển, nhiên liệu sinh học và các nguồn tài nguyên năng lượng có khả năng tái tạo khác.
- D. Các khí trong khí quyển gây ra sự nóng lên toàn cầu và biến đổi khí hậu.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với khu dân cư phân tán cần phải có:

- A. Địa điểm, hệ thống thu gom, xử lý rác thải.
- B. Hệ thống cung cấp nước sạch và các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp và an toàn.
- C. Cả 2 ý trên đều sai.
- D. Cả 2 ý trên đều đúng.

3. Tổ chức, cá nhân quản lý công viên, khu vui chơi, giải trí, khu du lịch, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà và khu vực công cộng khác có trách nhiệm:

- A. Bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi quản lý.
- B. Bố trí công trình vệ sinh công cộng; phương tiện, thiết bị thu gom chất thải đáp ứng nhu cầu giữ gìn vệ sinh môi trường.
- C. Niêm yết quy định về giữ gìn vệ sinh nơi công cộng.
- D. Cả 3 câu đều đúng.

4. Yêu cầu bảo vệ môi trường nào sau đây được áp dụng đối với hộ gia đình:

- A. Thải chất thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường; các chất độc, chất phóng xạ và chất nguy hại khác vào đất, nguồn nước.
- B. Khai thác, đánh bắt các nguồn tài nguyên sinh vật bằng phương tiện, công cụ, phương pháp hủy diệt, không đúng thời vụ và sản lượng theo quy định của pháp luật.
- C. Giảm thiểu, phân loại tại nguồn, thu gom và chuyển rác thải sinh hoạt đến đúng nơi quy định.
- D. Che giấu hành vi hủy hoại môi trường, cản trở hoạt động bảo vệ môi trường, làm sai lệch thông tin dẫn đến gây hậu quả xấu đối với môi trường.

5. Cơ quan nào có trách nhiệm quản lý chất thải tại địa phương:

- A. Ủy ban nhân dân các cấp.
- B. Bộ Công An.
- C. Bộ Quốc Phòng.
- D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

6. Hành vi nào sau đây là hành vi bị nghiêm cấm:

- A. Người chưa đủ 18 tuổi sử dụng, mua, bán thuốc lá.
- B. Bán, cung cấp thuốc lá cho người chưa đủ 18 tuổi.
- C. Vận động, ép buộc người khác sử dụng thuốc lá.
- D. Tất cả các hành vi trên.

7. Địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn trong nhà và trong phạm vi khuôn viên bao gồm:

- A. Cơ sở y tế; Cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành riêng cho trẻ em; Quán bar, karaoke, vũ trường, khách sạn.

- B. Cơ sở giáo dục; Cơ sở y tế; Cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành riêng cho trẻ em.
- C. Cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành riêng cho trẻ em; Quán bar, karaoke, vũ trường, khách sạn.
- D. Quán bar, karaoke, vũ trường, khách sạn; Cơ sở giáo dục; Cơ sở y tế.

8. Người hút thuốc lá có nghĩa vụ:

- A. Không hút thuốc lá tại địa điểm có quy định cấm hút thuốc lá.
- B. Không hút thuốc lá trong nhà khi có trẻ em, phụ nữ mang thai, người bệnh, người cao tuổi.
- C. Câu A và Câu B đều đúng.
- D. Câu A và Câu B đều sai.

9. Việc cai nghiện thuốc lá được thực hiện trên cơ sở:

- A. Ép buộc.
- B. Tự nguyện.
- C. Không chế.
- D. Thỏa thuận.

10. Người đứng đầu, người quản lý địa điểm cấm hút thuốc lá có các quyền nào sau đây:

- A. Buộc người vi phạm chấm dứt việc hút thuốc lá tại địa điểm cấm hút thuốc lá; xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.
- B. Yêu cầu người vi phạm quy định cấm hút thuốc lá ra khỏi cơ sở của mình.
- C. Từ chối tiếp nhận hoặc cung cấp dịch vụ cho người vi phạm quy định cấm hút thuốc lá nếu người đó tiếp tục vi phạm sau khi đã được nhắc nhở.
- D. Tất cả đều đúng.

11. Tác hại của thuốc lá:

- A. Là ảnh hưởng có hại của việc sản xuất, sử dụng thuốc lá gây ra cho sức khỏe con người, môi trường và sự phát triển kinh tế - xã hội.
- B. Là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình từ sản xuất, nhập khẩu đến tiêu thụ thuốc lá trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.
- C. Là thông tin bằng chữ và hình ảnh mô tả hoặc giải thích về ảnh hưởng có hại tới sức khỏe con người do việc sử dụng thuốc lá.
- D. Là hành vi hút, nhai, ngửi, hít, ngậm sản phẩm thuốc lá.

12. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong phòng, chống tác hại của thuốc lá:

- A. Yêu cầu người hút thuốc lá không hút thuốc lá tại địa điểm có quy định cấm hút thuốc lá.
- B. Vận động, tuyên truyền người khác không sử dụng thuốc lá, cai nghiện thuốc lá.
- C. Câu A và Câu B đều sai.
- D. Câu A và Câu B đều đúng.

13. Bộ ngành nào sau đây có trách nhiệm trong hỗ trợ cai nghiện thuốc lá:

- A. Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- B. Bộ Y tế.
- C. Bộ Công an.
- D. Bộ Tài chính.

14. Nơi dành riêng cho người hút thuốc lá phải bảo đảm các điều kiện nào sau đây:

- A. Có phòng và hệ thống thông khí tách biệt với khu vực không hút thuốc lá.
- B. Có dụng cụ chứa các mẫu, tàn thuốc lá; có biển báo tại các vị trí phù hợp, dễ quan sát.
- C. Có thiết bị phòng cháy, chữa cháy.
- D. Câu A,B, C đều đúng.

15. Quy định giá bán tối thiểu đối với thuốc lá điều tiêu thụ tại Việt Nam do:

- A. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- B. Bộ trưởng Bộ Y tế.
- C. Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- D. Bộ trưởng Bộ Công an.

16. Hành vi “Không có báo hiệu xin vượt trước khi vượt” của người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy bị xử phạt từ:

- A. Từ 60.000 đồng đến 80.000 đồng.
- B. Từ 100.000 đồng đến 120.000 đồng.
- C. Từ 1300.000 đồng đến 150.000 đồng.
- D. Từ 160.000 đồng đến 180.000 đồng.

17. Hành vi “Điều khiển xe chạy dàn hàng ngang từ 3 (ba) xe trở lên” của người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy bị xử phạt từ:

- A. Từ 50.000 đồng đến 70.000 đồng.
- B. Từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng.
- C. Từ 110.000 đồng đến 130.000 đồng.
- D. Từ 140.000 đồng đến 160.000 đồng.

18. Hành vi “Bấm còi, rú ga (net pô) liên tục trong đô thị, khu đông dân cư” của người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy bị xử phạt từ:

- A. Từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng.
- B. Từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng.
- C. Từ 500.000 đồng đến 600.000 đồng.
- D. Từ 700.000 đồng đến 800.000 đồng.

19. Hành vi “Dừng xe, đỗ xe ở lòng đường đô thị gây cản trở giao thông; tụ tập từ 03 (ba) xe trở lên ở lòng đường, trong hầm đường bộ; đỗ, để xe ở lòng đường đô thị, hè phố trái quy định của pháp luật” của người điều

khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy bị xử phạt từ:

- A. Từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng.
- B. Từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng.
- C. Từ 500.000 đồng đến 1000.000 đồng.
- D. Từ 1000.000 đồng đến 1.500.000 đồng.

20. Hành vi người điều khiển, người ngồi trên xe không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ bị xử phạt từ:

- A. Từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng.
- B. Từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng.
- C. Từ 500.000 đồng đến 600.000 đồng.
- D. Từ 700.000 đồng đến 800.000 đồng.

21. Hành vi người đang điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn sử dụng ô (dù), điện thoại di động, thiết bị âm thanh, trừ thiết bị trợ thính bị xử phạt từ:

- A. Từ 50.000 đồng đến 90.000 đồng.
- B. Từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng.
- C. Từ 250.000 đồng đến 350.000 đồng.
- D. Từ 400.000 đồng đến 500.000 đồng.

22. Hành vi chuyển hướng không giảm tốc độ hoặc không có tín hiệu báo hướng rẽ (trừ trường hợp điều khiển xe đi theo hướng cong của đoạn đường bộ ở nơi đường không giao nhau cùng mức) bị xử phạt từ:

- A. Từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng.
- B. Từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng.
- C. Từ 500.000 đồng đến 600.000 đồng.
- D. Từ 700.000 đồng đến 800.000 đồng.

23. Hành vi “Chở theo từ 03 (ba) người trở lên trên xe” của người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy bị xử phạt từ:

- A. Từ 50.000 đồng đến 80.000 đồng.
- B. Từ 90.000 đồng đến 150.000 đồng.
- C. Từ 160.000 đồng đến 200.000 đồng.
- D. Từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng.

24. Hành vi “Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông” của người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy bị xử phạt từ:

- A. Từ 100.000 đồng đến 150.000 đồng.
- B. Từ 200.000 đồng đến 250.000 đồng.
- C. Từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng.
- D. Từ 500.000 đồng đến 600.000 đồng.

25. Hành vi “Không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông” của người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy bị xử phạt từ:

- A. Từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng.
- B. Từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng.
- C. Từ 500.000 đồng đến 600.000 đồng.
- D. Từ 700.000 đồng đến 800.000 đồng

26. Hành vi “Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h” của người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy bị xử phạt từ:

- A. Từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng.
- B. Từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng.
- C. Từ 500.000 đồng đến 1000.000 đồng.
- D. Từ 1100.000 đồng đến 1.500.000 đồng

27. Hành vi “Không nhường đường hoặc gây cản trở xe được quyền ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ” của người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy bị xử phạt từ:

- A. Từ 100.000 đồng đến 400.000 đồng.
- B. Từ 500.000 đồng đến 1000.000 đồng.
- C. Từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng.
- D. Từ 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng

28. Hành vi người điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở bị xử phạt từ:

- A. Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.
- B. Từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng.
- C. Từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng.
- D. Từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng

29. Hành vi “Sử dụng chân chống hoặc vật khác quệt xuống đường khi xe đang chạy” của người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy bị xử phạt từ:

- A. Từ 500.000 đồng đến 800.000 đồng.
- B. Từ 1.000.000 đồng đến 1.200.000 đồng.
- C. Từ 1.500.000 đồng đến 1.800.000 đồng.
- D. Từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng

30. Hành vi “Gây tai nạn giao thông không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn” của người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy bị xử phạt từ:

- A. Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.
- B. Từ 1.500.000 đồng đến 1.800.000 đồng.
- C. Từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.
- D. Từ 3.500.000 đồng đến 4.000.000 đồng

31. Hành vi “Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy, nồng độ cồn của người thi hành công vụ” của người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy bị xử phạt từ:

- A. Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.
- B. Từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng.
- C. Từ 2.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng.
- D. Từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng

32. Hành vi “Buông cả hai tay khi đang điều khiển xe; dùng chân điều khiển xe; ngồi về một bên điều khiển xe; nằm trên yên xe điều khiển xe; thay người điều khiển khi xe đang chạy; quay người về phía sau để điều khiển xe hoặc bịt mắt điều khiển xe” của người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy mỗi hành vi bị xử phạt từ:

- A. Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.
- B. Từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.
- C. Từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng.
- D. Từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng

33. Hành vi “Điều khiển xe lạng lách hoặc đánh võng trên đường bộ trong, ngoài đô thị” của người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy bị xử phạt từ:

- A. Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.
- B. Từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng.
- C. Từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.
- D. Từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng

34. Hành vi “Điều khiển xe chạy bằng một bánh đối với xe hai bánh, chạy bằng hai bánh đối với xe ba bánh” của người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy bị xử phạt từ:

- A. Từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng.
- B. Từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.
- C. Từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.
- D. Từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng

35. Hành vi “Điều khiển xe thành nhóm từ 02 (hai) xe trở lên chạy quá tốc độ quy định” của người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy bị xử phạt từ:

- A. Từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng.
- B. Từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.
- C. Từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.
- D. Từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng

36. Khái niệm “Các loại xe tương tự xe ô tô” được hiểu như thế nào là đúng?

- A. Là loại phương tiện giao thông đường bộ chạy bằng động cơ có từ hai trục, bốn bánh xe trở lên và thùng hàng (nếu có) lắp trên cùng một xát xi (kể cả loại xe 4 bánh chạy bằng năng lượng điện).
- B. Là loại phương tiện giao thông đường bộ chạy bằng động cơ có từ hai trục, bốn bánh xe trở lên, có phần động cơ.

C. Là loại phương tiện giao thông đường bộ chạy bằng động cơ có từ hai trục, bốn bánh xe trở lên, có phần động cơ và thùng hàng (nếu có) lắp trên cùng một trục xi.

D. Là loại phương tiện giao thông đường bộ chạy bằng động cơ có từ hai trục, bốn bánh xe trở lên, có phần động cơ và thùng hàng (nếu có) lắp trên cùng một trục xi (kể cả loại xe 4 bánh chạy bằng năng lượng điện).

37. Xe gắn máy được dẫn động bằng động cơ điện có công suất lớn nhất không lớn hơn 4 kW, có vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 50 km/h được gọi là xe gì?

- A. Xe ô tô.
- B. Xe mô tô.
- C. Xe máy điện.
- D. Xe đạp máy.

38. Khái niệm “Các loại xe tương tự xe mô tô” được hiểu như thế nào là đúng?

A. Là phương tiện giao thông đường bộ chạy bằng động cơ, có hai bánh hoặc ba bánh, có dung tích làm việc của động cơ từ 50 cm³ trở lên, có vận tốc thiết kế lớn nhất lớn hơn 50 km/h, có khối lượng bản thân không lớn hơn 400 kg.

B. Là phương tiện giao thông đường bộ chạy bằng động cơ, có hai bánh hoặc ba bánh, có dung tích làm việc của động cơ từ 50 cm³ trở lên..

C. Là phương tiện giao thông đường bộ chạy bằng động cơ, có hai bánh hoặc ba bánh, có dung tích làm việc của động cơ từ 50 cm³ trở lên, có vận tốc thiết kế lớn nhất lớn hơn 50 km/h.

D. Là phương tiện giao thông đường bộ chạy bằng động cơ, có hai bánh hoặc ba bánh, có dung tích làm việc của động cơ từ 70 cm³ trở lên, có vận tốc thiết kế lớn nhất lớn hơn 50 km/h, có khối lượng bản thân không lớn hơn 400 kg.

39. Xe thô sơ hai bánh có lắp động cơ, vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 25 km/h và khi tắt máy thì đạp xe đi được (kể cả xe đạp điện) được gọi là xe gì?

- A. Xe ô tô.
- B. Xe mô tô.
- C. Xe máy điện.
- D. Xe đạp máy.

40. Nhận định nào sau đây sai?

A. Máy kéo là loại xe gồm phần đầu máy tự di chuyển, được lái bằng càn hoặc vô lăng và rơ moóc được kéo theo (có thể tháo rời với phần đầu kéo).

B. Các loại xe tương tự xe mô tô là phương tiện giao thông đường bộ chạy bằng động cơ, có hai bánh hoặc ba bánh, có dung tích làm việc của động cơ từ 70 cm³ trở lên, có vận tốc thiết kế lớn nhất lớn hơn 50 km/h, có khối lượng bản thân không lớn hơn 400 kg.

C. Xe máy điện là xe gắn máy được dẫn động bằng động cơ điện có công suất lớn nhất không lớn hơn 4 kW, có vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 50 km/h.

D. Xe đạp máy là xe thô sơ hai bánh có lắp động cơ, vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 25 km/h và khi tắt máy thì đạp xe đi được (kể cả xe đạp điện).

41. Nhận định nào sau đây đúng?

A. Các loại xe tương tự xe mô tô là phương tiện giao thông đường bộ chạy bằng động cơ, có hai bánh hoặc ba bánh, có dung tích làm việc của động cơ từ 70 cm³ trở lên, có vận tốc thiết kế lớn nhất lớn hơn 50 km/h, có khối lượng bản thân không lớn hơn 400 kg.

- B. Các loại xe tương tự xe gắn máy là phương tiện giao thông đường bộ chạy bằng động cơ, có hai bánh hoặc ba bánh và vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 70 km/h.
- C. Xe đạp máy là xe thô sơ hai bánh có lắp động cơ, vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 25 km/h và khi tắt máy thì đạp xe đi được (kể cả xe đạp điện).
- D. Xe máy điện là xe gắn máy được dẫn động bằng động cơ điện có công suất lớn nhất không lớn hơn 5 kW, có vận tốc thiết kế lớn nhất không lớn hơn 50 km/h.

42. Người tham gia giao thông phải:

- A. Đi bên phải lòng đường và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ.
- B. Đi bên phải lòng đường, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ.
- C. đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ.
- D. Cả 3 câu đều sai.

43. Người lái xe khi điều khiển phương tiện phải mang theo các giấy tờ sau:

- A. Giấy đăng ký xe; giấy phép lái xe;
- B. Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự; giấy đăng ký xe; giấy phép lái xe.
- C. Giấy đăng ký xe; giấy phép lái xe; giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới.
- D. Đăng ký xe; Giấy phép lái xe đối với người điều khiển xe cơ giới quy định; Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới quy định; Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

44. Khi muốn chuyển hướng, người điều khiển phương tiện phải:

- A. Giảm tốc độ
- B. Bóp còi
- C. Giảm tốc độ, bóp còi và có tín hiệu báo hướng rẽ.
- D. Giảm tốc độ và có tín hiệu báo hướng rẽ

45. Khái niệm “Người điều khiển giao thông” được hiểu như thế nào là đúng?

- A. Là người điều khiển phương tiện tham gia giao thông.
- B. Là người được giao nhiệm vụ hướng dẫn giao thông tại nơi thi công, nơi ùn tắc giao thông, ở bến phà, tại cầu đường bộ đi chung với đường sắt.
- C. Là cảnh sát giao thông; người được giao nhiệm vụ hướng dẫn giao thông tại nơi thi công, nơi ùn tắc giao thông, ở bến phà, tại cầu đường bộ đi chung với đường sắt.
- D. Tất cả đều đúng.

46. Lãnh hải là vùng biển:

- A. Tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của nước Việt Nam.
- B. Chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển.
- C. Nhà nước thực hiện chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ như trên lãnh thổ đất liền.
- D. Cả 3 câu đều sai.

47. Tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trong vùng biển Việt Nam phải tuân thủ nội dung nào sau đây:

- A. Tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam.
- B. Tôn trọng quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và lợi ích quốc gia của Việt Nam.
- C. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế có liên quan.
- D. Cả 3 câu đều đúng.

48. Vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở gọi là:

- A. Nội thủy.
- B. Vùng tiếp giáp lãnh hải.
- C. Vùng đặc quyền kinh tế.
- D. Thềm lục địa.

49. Đảo nhân tạo, thiết bị, công trình trên biển bao gồm:

- A. Các giàn khoan trên biển hoặc các thiết bị chuyên dùng để thăm dò, khai thác và sử dụng biển.
- B. Các loại báo hiệu hàng hải.
- C. Các thiết bị, công trình khác được lắp đặt và sử dụng ở biển.
- D. Cả 3 câu đều đúng

50. Đảo là một vùng đất tự nhiên:

- A. Có nước bao bọc.
- B. Khi thủy triều lên vùng đất vẫn ở trên mặt nước.
- C. Là bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ Việt Nam.
- D. Cả 3 câu đều đúng

51. Trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam, tổ chức, cá nhân không được tiến hành các hoạt động nào sau đây:

- A. Khai thác trái phép tài nguyên sinh vật, đánh bắt hải sản trái phép.
- B. Xây dựng, lắp đặt, sử dụng trái phép các thiết bị, công trình nhân tạo.
- C. Gây ô nhiễm môi trường biển.
- D. Cả 3 câu đều đúng.

52. Hành vi hủy hoại rạn san hô, thảm cỏ biển, thảm rong biển bị phạt tiền:

- A. Từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.
- B. Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.
- C. Từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.
- D. Từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

53. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nào sau đây:

- A. Hành vi sử dụng điện lưới để khai thác thủy sản.
- B. Hành vi tàng trữ trái phép vật liệu nổ trên tàu cá hoặc phương tiện nổi khác xảy ra trên biển.
- C. Hành vi sử dụng vật liệu nổ để khai thác thủy sản trên biển.
- D. Cả 3 câu đều sai.

54. Hành vi hoạt động khai thác thủy sản trong vùng biển Việt Nam của tàu cá nước ngoài mà không có giấy phép hoạt động thủy sản bị phạt tiền:

- A. 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.
- B. 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.
- C. 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.
- D. 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

55. Hình thức xử phạt đối với hành vi sử dụng vật liệu nổ để khai thác thủy sản trên biển là:

- A. Phạt tiền.
- B. Phạt tiền và tịch thu vật liệu nổ.
- C. Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác thủy sản từ 3 đến 6 tháng.
- D. Câu B và C đúng

56. Bờ biển Việt Nam dài bao nhiêu km?

- A. 2500 km
- B. 3060 km
- C. 3260 km
- D. 3860 km

57. Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh nào của nước ta?

- A. Tỉnh Quảng Ninh
- B. Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- C. Tỉnh Khánh Hòa
- D. Tỉnh Bình Thuận

58. Mỏ dầu khí lớn nhất của nước Việt Nam thuộc tỉnh nào sau đây:

- A. Tỉnh Kiên Giang
- B. Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- C. Tỉnh Ninh Thuận
- D. Tỉnh Bình Thuận

59. Vùng biển ven bờ Việt Nam có khoảng bao nhiêu hòn đảo?

- A. Khoảng 1.000 hòn đảo lớn, nhỏ.
- B. Khoảng 1.000 hòn đảo lớn, nhỏ và 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.
- C. Khoảng 2.000 hòn đảo lớn, nhỏ và 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.
- D. Khoảng 3.000 hòn đảo lớn, nhỏ và 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

60. Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã thông qua Nghị quyết 09-NQ/TW ngày 09/2/2007 về chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020 gồm nội dung nào sau đây:

- A. Nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, phát huy mọi tiềm năng từ biển.
- B. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế- xã hội với bảo đảm quốc phòng- an ninh.
- C. Tranh thủ hợp tác quốc tế và bảo vệ môi trường.
- D. Cả 3 câu đều đúng

61. Nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố có biển ?

- A. 28 tỉnh, thành phố.
- B. 30 tỉnh, thành phố
- C. 35 tỉnh, thành phố
- D. 40 tỉnh, thành phố

62. Quần đảo Trường Sa cách quần đảo Hoàng Sa khoảng 200 hải lý về phía Nam, bao gồm:

- A. 50 đảo nhỏ, bãi ngầm, bãi san hô và chia làm 10 cụm đảo.
- B. 100 đảo nhỏ, bãi ngầm, bãi san hô và chia làm 10 cụm đảo.
- C. 150 đảo nhỏ, bãi ngầm, bãi san hô và chia làm 05 cụm đảo.
- D. 200 đảo nhỏ, bãi ngầm, bãi san hô và chia làm 05 cụm đảo.

63. Đảo vừa có diện tích lớn nhất, vừa có ý nghĩa quan trọng về du lịch, an ninh- quốc phòng có tên là gì? Tại đâu?

- A. Đảo Côn Đảo- Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- B. Đảo Phú Quốc- Tỉnh Kiên Giang.
- C. Đảo Lý Sơn- Tỉnh Quảng Ngãi
- D. Đảo Cồn Cỏ- Tỉnh Quảng Bình.

64. Việt Nam đã cùng các quốc gia trong khối ASEAN và Trung Quốc ký kết bản tuyên bố về cách ứng xử của các bên trên biển Đông (DOC), đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề trên biển và duy trì ổn định ở khu vực. Buổi ký kết diễn ra vào thời gian nào ? Tại đâu ?

- A. Ngày 04/11/2002 tại Campuchia.
- B. Ngày 04/10/2004 tại Thái Lan
- C. Ngày 26/6/2001 tại Indonexia
- D. Cả 3 câu đều sai

65. Anh Tâm và anh Bình là anh em ruột làm nghề đánh bắt cá. Một hôm nọ, cả 02 anh em bàn tính với nhau và đã thực hiện hành vi khai thác san hô trái phép ở biển và đem đi bán kiếm tiền, tổng khối lượng san hô khai thác khoảng 5 kg.

Em hãy cho biết hình thức xử phạt đối với hành vi vi phạm pháp luật của 2 anh em Tâm và Bình trong tình huống trên ? Mức phạt tiền đối với hành vi trên là bao nhiêu ?

- A. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.
- B. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.
- C. Phạt tiền và tịch thu tang vật. Mức phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.
- D. Phạt tiền và tịch thu tang vật. Mức phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

66. Nhận định nào sau đây là đúng theo quy định điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với hộ gia đình?

- A. Nơi đun nấu, nơi thờ cúng, nơi có sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị sinh lửa, sinh nhiệt, hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện phải bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy.
- B. Tài sản, vật tư, chất cháy phải được bố trí, sắp xếp, bảo quản và sử dụng đúng quy định an toàn về phòng cháy và chữa cháy.
- C. Có phương tiện chữa cháy phù hợp với đặc điểm hoạt động và điều kiện của từng hộ gia đình
- D. Cả A, B và C

67. Bạn A được cử đến cơ quan B để liên hệ công tác, khi đến nơi bạn phát hiện ở dưới gầm cầu thang bộ mà cơ quan B đang xảy ra cháy. Theo quy định về phòng cháy và chữa cháy, Bạn A phải làm như thế nào?

- A. Nhanh chóng rời khỏi nơi xảy ra cháy để bảo đảm an toàn bản thân.
- B. Bằng mọi cách báo cháy ngay cho người xung quanh biết.
- C. Không báo cháy vì không liên quan.
- D. Trì hoãn việc báo cháy.

68. Pháp luật phòng cháy và chữa cháy nghiêm cấm hành vi nào sau đây:

- A. Chiếm đoạt, bán, trao đổi, cầm cố, thế chấp, đánh tráo, thay thế, cho mượn phương tiện phòng cháy và chữa cháy được giao quản lý, bảo quản, bảo dưỡng và các hành vi trục lợi khác.
- B. Sử dụng phương tiện phòng cháy và chữa cháy không đúng mục đích, định mức, chế độ.
- C. Hủy hoại, cố ý làm hư hỏng phương tiện phòng cháy và chữa cháy được giao quản lý, bảo quản, bảo dưỡng.
- D. Cả A, B và C.

69. Chữa cháy bao gồm các công việc:

- A. Huy động, triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy, cắt điện, tổ chức thoát nạn, cứu người, cứu tài sản.
- B. Chông cháy lan, dập tắt đám cháy và các hoạt động khác có liên quan đến chữa cháy.
- C. Cả A và B đều đúng.
- D. Cả A và B đều sai

70. Trong một buổi sinh hoạt khu phố về phòng cháy và chữa cháy trong khu dân cư, Chị X cho rằng: “Phòng cháy và chữa cháy là trách nhiệm của mỗi cơ quan, tổ chức”; Chị Y cho rằng: “Phòng cháy và chữa cháy là trách nhiệm của mỗi hộ gia đình, cá nhân”. Theo quy định hiện hành thì như thế nào?

- A. Chị X đúng.
- B. Chị Y đúng.
- C. Cả Chị X và Y đều sai.
- D. Cả Chị X và Y đều đúng.

71. Công dân từ bao nhiêu tuổi, đủ sức khỏe có trách nhiệm tham gia vào đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở được lập ở nơi cư trú hoặc nơi làm việc khi có yêu cầu?

- A. Mười tám tuổi
- B. Mười tám tuổi trở lên
- C. Mười sáu tuổi
- D. Mười sáu tuổi trở lên

72. Không bố trí, niêm yết tiêu lệnh, biển báo, biển cấm, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy thì bị phạt tiền:

- A. Từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng.
- B. Từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng.
- C. Từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.
- D. Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

73. Cơ sở sửa chữa ô tô của ông Nguyễn Văn A chuyên sửa chữa, trung đại tu, gò hàn, lắp ráp thùng, bộ ... xe ô tô, máy kéo đã vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Sau khi cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và kết luận cơ sở của ông Nguyễn Văn A đã gây ra tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật cho phép từ 15 dBA đến dưới 20 dBA. Theo em, ông Nguyễn Văn A sẽ bị phạt tiền là bao nhiêu ?

- A. Từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.
- B. Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.
- C. Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.
- D. Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng.

74. Bà Y là chủ trại chăn nuôi gia súc, bà Y làm chuồng chăn nuôi ngay cạnh kênh thủy lợi và đường giao thông liên xã. Tuy đã có làm hầm Biogas nhưng lượng chất thải lớn, chảy tràn ra đất và tạo mùi hôi thối quá mức. Bà Y đã bị chủ tịch UBND xã Z ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường, với mức phạt là:

- A. 5.000.000 đồng.
- B. 10.000.000 đồng.
- C. 20.000.000 đồng.
- D. 50.000.000 đồng.

75. Luật Hôn nhân và gia đình quy định độ tuổi đăng ký kết hôn:

- A. Nam và nữ từ 18 tuổi trở lên
- B. Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, nữ từ đủ 16 tuổi trở lên.
- C. Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên.
- D. Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên.

76. Ly hôn là việc vợ và chồng:

- A. Ly thân, không sống chung với nhau.

- B. Chấm dứt quan hệ vợ chồng theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.
- C. Tự thỏa thuận chấm dứt quan hệ vợ chồng.
- D. Cả 3 câu A,B,C đều sai.

77. Người chồng không có quyền yêu cầu ly hôn với vợ trong trường hợp:

- A. Người vợ đang có thai, sinh con.
- B. Vợ đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi
- C. Câu A và B đúng
- D. Câu A và B sai.

(C là đáp án đúng- Căn cứ khoản 3 điều 51 Luật HNGD)

78. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, kết hôn là:

- A. Việc nam và nữ sống chung với nhau như vợ chồng.
- B. Việc nam và nữ tổ chức đám cưới với nhau.
- C. Việc nam và nữ xác lập quan hệ vợ chồng với nhau đảm bảo về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn.
- D. Cả 3 câu A,B,C đều sai.

79. Trong các hành vi sau đây, hành vi nào học sinh không được làm:

- A. Hút thuốc, uống rượu bia.
- B. Sử dụng điện thoại di động hoặc máy nghe nhạc trong giờ học.
- C. Chơi trò chơi điện tử trực tuyến.
- D. Đưa thông tin cá nhân lên mạng.

80. Theo quy định của Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, học sinh vi phạm khuyết điểm trong quá trình học tập, rèn luyện bị xử lý kỷ luật theo các hình thức từ thấp đến cao:

- A. Phê bình- Khiển trách- Cảnh cáo- Buộc thôi học.
- B. Khiển trách- Cảnh cáo- Buộc thôi học.
- C. Mời phụ huynh- Khiển trách- Buộc thôi học
- D. Phê bình- Cảnh cáo- Buộc thôi học.

81. Tệ nạn ma túy:

- A. Là người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và bị lệ thuộc vào các chất này.
- B. Là tình trạng nghiện ma túy, tội phạm về ma túy và các hành vi trái phép khác về ma túy.
- C. Là phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh chống tệ nạn ma túy và kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.

D. Là việc cho phép, theo dõi, kiểm tra, giám sát các hoạt động quy định tại khoản 9 Điều này và phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng các hoạt động đó vào mục đích khác.

82. Phòng, chống ma túy là trách nhiệm của:

- A. Cá nhân và gia đình.
- B. Cơ quan và tổ chức.
- C. Nhà trường và các cơ sở giáo dục.
- D. Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức và của toàn xã hội.

83. Trong thời gian cai nghiện bắt buộc, người nghiện ma túy có trách nhiệm:

- A. Tuân thủ nội quy và chịu sự quản lý, giáo dục của cơ sở cai nghiện bắt buộc.
- B. Lao động, học tập, chữa bệnh để cai nghiện và góp phần đảm bảo đời sống trong thời gian cai nghiện.
- C. Câu A và Câu B đều đúng.
- D. Câu A và Câu B đều sai.

84. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục về phòng, chống ma túy; giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy và lối sống lành mạnh cho học sinh, sinh viên, học viên; quản lý chặt chẽ, ngăn chặn học sinh, sinh viên, học viên tham gia tệ nạn ma túy là trách nhiệm của:

- A. Cá nhân và gia đình.
- B. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức khác.
- C. Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác.
- D. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân.

85. Cơ quan nào sau đây được tiến hành hoạt động áp dụng các biện pháp nghiệp vụ trình sát cần thiết để phát hiện tội phạm về ma túy:

- A. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức khác.
- B. Cơ quan y tế.
- C. Cơ quan thông tin, tuyên truyền.
- D. Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân.

86. Một hộ gia đình X nuôi lợn xả thẳng nước thải ra mương gây ô nhiễm giếng nước ăn các hộ gia đình xung quanh. Hỏi việc làm của hộ gia đình X có vi phạm luật bảo vệ môi trường không ? Hình thức xử phạt như thế nào ?

- A. Không vi phạm luật Bảo vệ môi trường.
- B. Có vi phạm; hình thức xử phạt là cảnh cáo.
- C. Có vi phạm; hình thức xử phạt là phạt tiền.
- D. Có vi phạm; hình thức xử phạt là cảnh cáo hoặc phạt tiền và bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

87. Người tham gia giao thông phải :

- A. Đi bên phải lòng đường và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ.
- B. Đi bên phải lòng đường, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ.
- C. Đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ.
- D. Cả 3 câu đều sai.

88. Người lái xe khi điều khiển phương tiện phải mang theo các giấy tờ sau:

- A. Giấy đăng ký xe; giấy phép lái xe;
- B. Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự; giấy đăng ký xe; giấy phép lái xe.
- C. Giấy đăng ký xe; giấy phép lái xe; giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới.
- D. Giấy phép lái xe; giấy đăng ký xe; giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự; giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới.

89. Thông tin báo cháy và chữa cháy được thực hiện bằng cách nào?

- A. Điện thoại
- B. Hiệu lệnh
- C. Thư điện tử
- D. A và B đúng

90. “Ngày toàn dân phòng cháy và chữa cháy” là ngày nào?

- A. Ngày 10 tháng 4
- B. Ngày 04 tháng 10
- C. Ngày 04 tháng 01
- D. Ngày 01 tháng 4

91. Người tham gia giao thông khi phát hiện công trình đường bộ bị hư hỏng hoặc bị xâm hại, phải có những nghĩa vụ gì?

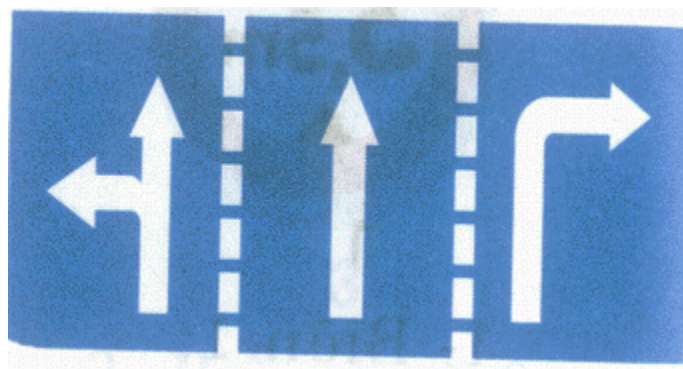
- A. Kịp thời báo cáo cho chính quyền địa phương
- B. Kịp thời báo cáo cho cơ quan quản lý đường bộ hoặc cơ quan công an nơi gần nhất, để xử lý
- C. Trong trường hợp cần thiết có biện pháp báo hiệu ngay cho người tham gia giao thông biết
- D. Tất cả các nghĩa vụ trên

92. Những người có mặt tại nơi xảy ra tai nạn giao thông có trách nhiệm gì?

- A. Bảo vệ hiện trường, giúp đỡ, cứu chữa kịp thời, bảo vệ tài sản của người bị nạn
- B. Báo tin ngay cho cơ quan công an hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất
- C. Cung cấp thông tin sát thực về vụ tai nạn theo yêu cầu của cơ quan công an
- D. Tất cả 3 trách nhiệm nêu trên.

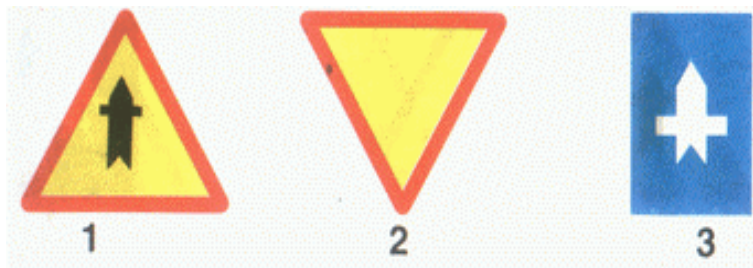
93. Biển này có ý nghĩa gì?

- A. Chỉ hướng đi
- B. Biển chỉ dẫn cho người lái xe biết số lượng làn đường trên mặt đường và hướng đi trên mỗi làn đường theo vạch kẻ đường
- C. Chỉ hướng đường
- D. Tất cả đều sai



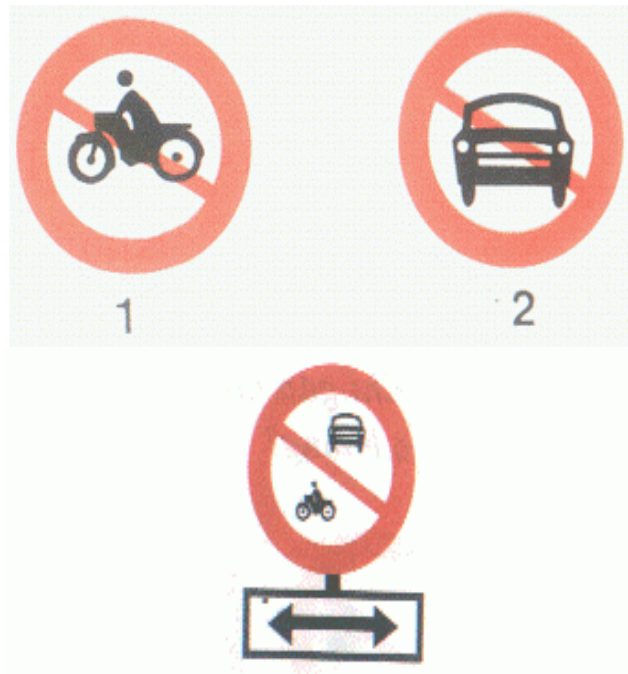
94. Biển nào báo hiệu, chỉ dẫn xe đi trên đường này được quyền ưu tiên qua nơi giao nhau?

- A. Biển 1
- B. Biển 1 và 3
- C. Cả 3 biển
- D. Tất cả đều sai



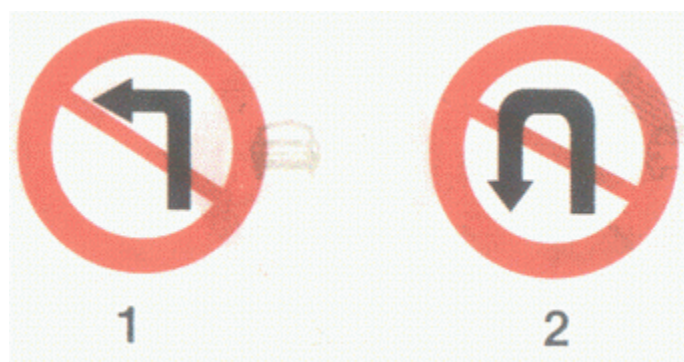
95. Biển báo hiệu cấm xe mô tô hai bánh đi vào?

- A. Biển 1
- B. Biển 2
- C. Cả 2 biển
- D. Tất cả đều sai



96. Biển nào cấm quay xe:

- A. Biển 1
- B. Biển 2
- C. Cả 2 biển đều đúng
- D. Cả 2 biển đều sai



97. Biển nào chỉ đường dành cho người đi bộ, các loại xe không được đi vào khi gặp biển này?

- A. Biển 1
- B. Biển 1 và 3
- C. Biển 3
- D. Cả ba biển



98. Khi gặp biển nào, Tất cả các loại xe, kể cả xe ưu tiên theo luật định vẫn phải dừng lại?

- A. Biển 1
- B. Biển 2
- C. Cả hai biển
- D. Tất cả đều sai



99. Biển nào cấm xe đạp đi vào?

- A. Biển 1
- B. Biển 2
- C. Biển 3.
- D. Tất cả đều đúng



**DANH SÁCH HỌC SINH THAM GIA
VÒNG LOẠI HỘI THI “THANH THIẾU NIÊN VỚI PHÁP LUẬT” NĂM 2016**

STT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH		ĐƠN VỊ
		Nam	Nữ	
1	Trần Lê Hữu Bách	x		THPT Mạc Đĩnh Chi
2	Nguyễn Thị Thanh Tình		x	THPT Mạc Đĩnh Chi
3	Phan Thị Ngọc Mai		x	THPT Mạc Đĩnh Chi
4	Trần Ngọc Yến Nhi		x	THPT Mạc Đĩnh Chi
5	Nguyễn Trần Mai Chi		x	THPT Mạc Đĩnh Chi
6	Trần Thị Kim Hân		1998	THPT Nguyễn Tất Thành
7	Thái Ái Kim		1998	THPT Nguyễn Tất Thành
8	Hồ Vĩnh Thái	1998		THPT Nguyễn Tất Thành
9	Nguyễn Hoàng Đăng Thuận	1998		THPT Nguyễn Tất Thành
10	Nguyễn Thị Kim Vân		1998	THPT Nguyễn Tất Thành
11	Nguyễn Lê Quốc Việt	1996		TC KT-KT Quận 12
12	Nguyễn Phạm Đình Hảo	1996		TC KT-KT Quận 12
13	Lê Thị Kim Chi		2000	TC KT-KT Quận 12
14	Nguyễn Thành Tân	1997		TC KT-KT Quận 12
15	Võ Thị Kim Ngọc		1999	TC KT-KT Quận 12
16	Lê Thị Kiều Châu		2000	THPT Tân Túc
17	Nguyễn Hoàng Trúc Mai		2000	THPT Tân Túc
18	Hồ Thanh Chí	2000		THPT Tân Túc
19	Âu Thị Bích Huyền		2000	THPT Tân Túc
20	Đào Thị Hương		2000	THPT Tân Túc
21	Đinh Phối Phối		x	THPT Võ Văn Kiệt
22	Trần Ngọc Phụng		x	THPT Võ Văn Kiệt
23	Lưu Hoàng Ngọc My		x	THPT Võ Văn Kiệt
24	Huỳnh Tuấn Dương	x		THPT Võ Văn Kiệt
25	Dương Bảo Khang	x		THPT Võ Văn Kiệt
26	Phạm Minh Anh		2000	THCS-THPT Đức Trí
27	Thái Thanh Lam		2000	THCS-THPT Đức Trí
28	Nguyễn Quỳnh Nga		2000	THCS-THPT Đức Trí
29	Hồ Thượng Nghĩa	2000		THCS-THPT Đức Trí
30	Trần Minh Phú	2000		THCS-THPT Đức Trí
31	Phùng Nhật Nam	x		THPT Tây Thạnh
32	Nguyễn Lê Mi Ni		x	THPT Tây Thạnh
33	Huỳnh Thị Khánh Lam		x	THPT Tây Thạnh
34	Nguyễn Đức Trung	x		THPT Tây Thạnh
35	Hồ Ngọc Trâm		x	THPT Tây Thạnh
36	Bùi Hà Xuân Chúc		1999	THPT Trần Văn Giàu
37	Trần Ngọc Mai Trinh		2000	THPT Trần Văn Giàu

38	Đặng Tú Tài	2000		THPT Trần Văn Giàu
39	Cao Nhựt Quang Thuận	2000		THPT Trần Văn Giàu
40	Lý Thị Ngọc Hân		2000	THPT Trần Văn Giàu
41	Nguyễn Thùy An		1996	CĐ Công nghệ Thủ Đức
42	Nguyễn Văn Luân	1995		CĐ Công nghệ Thủ Đức
43	Nguyễn Thị Thùy Trâm		1996	CĐ Công nghệ Thủ Đức
44	Lê Minh Trí	1996		CĐ Công nghệ Thủ Đức
45	Phan Thị Mỹ Viên		1993	CĐ Công nghệ Thủ Đức
46	Tăng Hoàng Dương	1999		THPT Nguyễn Văn Cừ
47	Nguyễn Thị Mai Linh		1999	THPT Nguyễn Văn Cừ
48	Hoàng Đại Sang	2000		THPT Nguyễn Văn Cừ
49	Hứa Bảo Trân		2000	THPT Nguyễn Văn Cừ
50	Đặng Trần Kim Ngân		2000	THPT Nguyễn Văn Cừ
51	Hồ Văn Hiếu	1997		TC KT-KT Hóc Môn
52	Nguyễn Khắc Trung	1992		TC KT-KT Hóc Môn
53	Phạm Nguyễn Hoài Nam	1997		TC KT-KT Hóc Môn
54	Đỗ Quốc Huy	1998		TC KT-KT Hóc Môn
55	Đinh Trương Hoàng Trúc		2000	TC KT-KT Hóc Môn
56	Lê Thị Kim Ngân		1998	Trung tâm GDTX Quận 12
57	Huỳnh Chi Phương		1999	Trung tâm GDTX Quận 12
58	Nguyễn Thị Tuyết Nhi		1999	Trung tâm GDTX Quận 12
59	Nguyễn Lê Tuấn Ngọc	1998		Trung tâm GDTX Quận 12
60	Nguyễn Ngọc Huân	1999		Trung tâm GDTX Quận 12
61	Nguyễn Thị Minh Thảo		2000	THPT Võ Trường Toản
62	Nguyễn Thị Hương Giang		2000	THPT Võ Trường Toản
63	Nguyễn Ngọc Trúc Đào		2000	THPT Võ Trường Toản
64	Trần Thị Mỹ Huyền		2000	THPT Võ Trường Toản
65	Nguyễn Đức Thành Nhân	1999		THPT Võ Trường Toản
66	Nguyễn Huỳnh Ngọc Châu		2000	THPT Hùng Vương
67	Trần Mỹ Huệ		2000	THPT Hùng Vương
68	Phùng Xuân Thủy		2000	THPT Hùng Vương
69	Phùng Bảo An	2000		THPT Hùng Vương
70	Lương Tấn Đạt	2000		THPT Hùng Vương
71	Đàm Đức Tài	2000		THPT Trần Khai Nguyên
72	Phan Thanh Phương Anh		2000	THPT Trần Khai Nguyên
73	Vũ Thị Thu Cúc		2000	THPT Trần Khai Nguyên
74	Trương Linh Hoa		2000	THPT Trần Khai Nguyên
75	Lê Đặng Phi Long	2000		THPT Trần Khai Nguyên
76	Huỳnh Công Minh	1999		THPT An Nghĩa
77	Mạc Phạm Quỳnh Hương		2000	THPT An Nghĩa
78	Lê Nguyễn Phước Thiện	2000		THPT An Nghĩa
79	Hồ Trương Bảo Thùy		2000	THPT An Nghĩa

80	Phan Thị Phương Oanh		2000	THPT An Nghĩa
81	Đỗ Thị Thu Ngân		1999	THPT Trường Chinh
82	Võ Nguyễn Hương Giang		1999	THPT Trường Chinh
83	Oh Yun Mi		1999	THPT Trường Chinh
84	Hà Mai Vĩnh Phú	1999		THPT Trường Chinh
85	Hà Mai Vĩnh Quý	1999		THPT Trường Chinh
86	Trương Tân Hoàng	1999		THPT Long Trường
87	Võ Linh Khương		1999	THPT Long Trường
88	Nguyễn Ngọc Thùy Vân		1999	THPT Long Trường
89	Nguyễn Thanh Phong	2000		THPT Long Trường
90	Võ Lê Minh Thư		2000	THPT Long Trường
91	Nguyễn Nho Anh Tài	2000		THPT Bình Hưng Hòa
92	Nguyễn Thị Thanh Ngân		2000	THPT Bình Hưng Hòa
93	Nguyễn Trần Triệu Vy		2000	THPT Bình Hưng Hòa
94	Lê Hoàng Huy	2000		THPT Bình Hưng Hòa
95	Nguyễn Thị Kiều Diễm		2000	THPT Bình Hưng Hòa
96	Nguyễn Quốc Hưng	x		THPT Nguyễn Thượng Hiền
97	Vũ Quang Thành	x		THPT Nguyễn Thượng Hiền
98	Nguyễn Lê Bích Quân		x	THPT Nguyễn Thượng Hiền
99	Nguyễn Thị Bích Huyền		x	THPT Nguyễn Thượng Hiền
100	Trần Nguyễn Bảo Ngân		x	THPT Nguyễn Thượng Hiền
101	Nguyễn Tiến Đạt	1996		CĐ KT Lý Tự Trọng
102	Hoàng Thị Cúc		1995	CĐ KT Lý Tự Trọng
103	Nguyễn Trần Thùy		1994	CĐ KT Lý Tự Trọng
104	Võ Thị Nguyên Thảo		1997	CĐ KT Lý Tự Trọng
105	Lý Tấn Đạt	1994		CĐ KT Lý Tự Trọng
106	Nguyễn Trần Thái Anh	1999		THPT Thủ Đức
107	Nguyễn Phạm Thanh Hà		1999	THPT Thủ Đức
108	Nguyễn Thị Quỳnh Giang		1999	THPT Thủ Đức
109	Nguyễn Thị Thanh Ngân		1999	THPT Thủ Đức
110	Trương Nhật Quỳnh Anh		1999	THPT Thủ Đức
111	Huỳnh Diệu Vỹ	1995		CĐ VHNT&DL Sài Gòn
112	Tiêu Yến Tử		1997	CĐ VHNT&DL Sài Gòn
113	Nguyễn Phương Vinh	1995		CĐ VHNT&DL Sài Gòn
114	Nguyễn Hoài Linh		1997	CĐ VHNT&DL Sài Gòn
115	Nguyễn Thị Kim Phú		1995	CĐ VHNT&DL Sài Gòn
116	Dương Thị Kiều Diễm		x	THPT Bùi Thị Xuân
117	Lý Bảo Nghi		x	THPT Bùi Thị Xuân
118	Huỳnh Thị Yến Vy		x	THPT Bùi Thị Xuân
119	Lê Trường Lâm	x		THPT Bùi Thị Xuân
120	Ngô Huỳnh Phương Nhi		x	THPT Bùi Thị Xuân
121	Ngô Đức Tuấn	2000		THPT Gia Định

122	Phạm Trần Nhật Vy		1999	THPT Gia Định
123	Đinh Nguyễn Hồng Anh		1999	THPT Gia Định
124	Nguyễn Trí Dũng	2000		THPT Gia Định
125	Nguyễn Đức Ái Vân	2000		THPT Gia Định
126	Võ Tuấn Hào	2000		THPT Tân Bình
127	Lư Bội Ân		2000	THPT Tân Bình
128	Lê Huỳnh Thành Đạt	2000		THPT Tân Bình
129	Hong Trường Kôn	2000		THPT Tân Bình
130	Nguyễn Thị Hồng Hà		2000	THPT Tân Bình
131	Đỗ Thành Chinh	2000		THPT Lê Minh Xuân
132	Trần Thị Ngọc Hiền		2000	THPT Lê Minh Xuân
133	Lê Thị Hồng Thanh		2000	THPT Lê Minh Xuân
134	Chiêm Hoàng Tuệ Thu		2000	THPT Lê Minh Xuân
135	Bùi Thị Bạch Vân		2000	THPT Lê Minh Xuân
136	Bùi Đặng Khánh Hoàng	2000		THPT Hàn Thuyên
137	Trần Thúy Trinh		2000	THPT Hàn Thuyên
138	Lâm Kim Vy		2000	THPT Hàn Thuyên
139	Ngô Khánh Trinh	1999		THPT Hàn Thuyên
140	Đặng Thị Kim Thoa		1999	THPT Hàn Thuyên
141	Trần Khả My		1999	THPT Trung Phú
142	Trương Đình Trung	1999		THPT Trung Phú
143	Nguyễn Phúc Hậu		2000	THPT Trung Phú
144	Vương Thị Hồng Na		2000	THPT Trung Phú
145	Nguyễn Hoàng Mỹ Duyên	2000		THPT Trung Phú
146	Nuslayla		1999	TT.GDTX quận Phú Nhuận
147	Nguyễn Minh Khoa	1999		TT.GDTX quận Phú Nhuận
148	Đặng Hùng Cường	1994		TT.GDTX quận Phú Nhuận
149	Dương Thị Hồng Quyên		1999	TT.GDTX quận Phú Nhuận
150	Nguyễn Trọng Nhân	1999		TT.GDTX quận Phú Nhuận
151	Nguyễn Minh Hạnh	2000		THPT Chuyên Lê Hồng Phong
152	Trần Ngọc Hoàng Nhi		2000	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
153	Lê Huỳnh Bảo Trân		2000	THPT Chuyên Lê Hồng Phong
154	Đinh Hoàng Tú	2000		THPT Chuyên Lê Hồng Phong
155	Nguyễn Hoàng Long	2000		THPT Chuyên Lê Hồng Phong
156	Phạm Ngọc Yến Nhi		x	THPT Thủ Thiêm
157	Lưu Phạm Đăng Trình	x		THPT Thủ Thiêm
158	Lê Minh Anh	x		THPT Thủ Thiêm
159	Nguyễn Hoàng Hưng Nghi			THPT Thủ Thiêm
160	Đinh Ngọc Khánh Linh		x	THPT Thủ Thiêm
161	Nguyễn Ngọc Anh Chi		2000	THPT Nguyễn Thị Minh Khai
162	Nguyễn Minh Hạnh Đoan		2000	THPT Nguyễn Thị Minh Khai
163	Trần Minh Trung	1999		THPT Nguyễn Thị Minh Khai

164	Tăng Kim Ngân		2000	THPT Nguyễn Thị Minh Khai
165	Nguyễn Trọng Nghĩa	2000		THPT Nguyễn Thị Minh Khai
166	Nguyễn Hoàng Xuân Phương		1999	THPT Nguyễn Trung Trực
167	Phú Nguyễn Thúy Vy		1999	THPT Nguyễn Trung Trực
168	Nguyễn Hà Anh Thư		1999	THPT Nguyễn Trung Trực
169	Bùi Thành Anh Khoa	1999		THPT Nguyễn Trung Trực
170	Trần Quốc Huy	1999		THPT Nguyễn Trung Trực
171	Đỗ Thị Hoàng Yến		x	THPT Nguyễn Hữu Thọ
172	Nguyễn Quang Nhật	x		THPT Nguyễn Hữu Thọ
173	Phạm Trần Nguyên Khôi	x		THPT Nguyễn Hữu Thọ
174	Hà Lê Thiện Minh	x		THPT Nguyễn Hữu Thọ
175	Trương Thái Dũng	x		THPT Nguyễn Hữu Thọ
176	Nguyễn Hồng Huy	2000		THPT Trần Quang Khải
177	Nìm Chí Linh		2000	THPT Trần Quang Khải
178	Nguyễn Thị Liên		2000	THPT Trần Quang Khải
179	Võ Thành Nhân	2000		THPT Trần Quang Khải
180	Nguyễn Thị Thêu		1999	THPT Trần Quang Khải
181	Trần Thị Mỹ Ngọc		x	THPT Bình Phú
182	Nguyễn Thùy Song Thương		x	THPT Bình Phú
183	Đặng Lý Mai Nhung		x	THPT Bình Phú
184	Nguyễn Thị Huỳnh Như		x	THPT Bình Phú
185	Vũ Ngọc Vân Anh		x	THPT Bình Phú
186	Trần Hoài Phong	2000		THPT Bình Chánh
187	Hà Minh Khôi	2000		THPT Bình Chánh
188	Võ Hồ Thanh Quỳnh		2000	THPT Bình Chánh
189	Võ Thị Tuyết Hồng		2000	THPT Bình Chánh
190	Phạm Thu Thủy		2000	THPT Bình Chánh
191	Đỗ Lại Tuấn Lập	1999		THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa
192	Phạm Hoàng Yến Nhi		1999	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa
193	Dương Khánh Ngọc		1999	THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa
194	Nguyễn Anh Khoa	1999		THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa
195	Lê Mạnh Tường	1999		THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa
196	Võ Minh Thông	2000		THPT Trần Hưng Đạo
197	Nguyễn Văn Tuấn Anh	2000		THPT Trần Hưng Đạo
198	Nguyễn Đức Bình	2000		THPT Trần Hưng Đạo
199	Nguyễn Trần Thành Vinh	2000		THPT Trần Hưng Đạo
200	Nguyễn Trung Hậu	2000		THPT Trần Hưng Đạo
201	Lê Phương Hoàng Anh Kiệt	1999		TT.GDTX Bình Chánh
202	Nguyễn Anh Vũ	1999		TT.GDTX Bình Chánh
203	Nguyễn Thanh Phong	1999		TT.GDTX Bình Chánh
204	Nguyễn Thị Hoài Thương		1996	TT.GDTX Bình Chánh
205	Trần Thanh Tuấn	1994		TT.GDTX Bình Chánh

206	Nguyễn Hoàng Phúc	x		THPT Tân Phong
207	Võ Thị Như Thắm		x	THPT Tân Phong
208	Nguyễn Thị Hoàng Thư		x	THPT Tân Phong
209	Hồ Gia Bảo	x		THPT Tân Phong
210	Nguyễn Hùng Vỹ	x		THPT Tân Phong